

Bản án số: 500/2025/HS-ST
Ngày 22-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cương;

Bà Lê Thị Mỹ;

Bà Từ Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ấn- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở B) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 568/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3921/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Thái N sinh ngày 27/12/2002 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, Thành phố Cần Thơ); nơi tạm trú: nhà trọ Nguyễn Thị H, tổ A, khu phố F, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn C - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 2002 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Trần Thị K1, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ: khóm B, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là phường C, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị K1 và bà Trần Thị D: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ G, khóm B, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là phường C, tỉnh An Giang) (theo Văn bản ủy quyền ngày 17/9/2024); có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị Mỹ D1, sinh năm 2005;
2. Ông Ngô K2, sinh năm 1985;
3. Bà Trần Ngọc Ý, sinh năm 1990;
4. Ông Lương Hữu N1, sinh năm 2000.

Tất cả người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thái N và Nguyễn Văn S có mối quan hệ bạn bè quen biết ngoài xã hội. Sáng có mượn N số tiền 4.500.000 đồng, N nhiều lần đòi tiền nhưng S không trả.

Vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 16/9/2024, N điều khiển xe mô tô biển số 51X7-2215 mang theo dao bằng kim loại màu đen dài 43cm (loại dao mèo) đến phòng trọ của S để đòi nợ. Tại phòng số 11 nhà trọ Trại gà C, địa chỉ khu phố F, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), N và Sáng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên N đã dùng dao chém nhiều nhát vào vùng đầu, cổ của S dẫn đến tử vong. Sau khi chém Sáng, N dùng dao tự đâm vào bụng, cắt cổ tay và cắt cổ để tự tử. Lúc này, ông Lương Hữu N1 (đối diện phòng trọ của S) nghe thấy tiếng Sáng kêu cứu nên mở cửa phòng trọ nhìn sang thì thấy Sáng đang nằm chết tại cửa, N đang ngồi phía bên trong phòng trọ cầm dao đâm vào bụng. Sự việc được ông N1 trình báo đến Công an phường U, còn N được người dân đưa vào Bệnh viện đa khoa tỉnh B (nay là Bệnh viện Đ) cấp cứu, quá trình điều trị tại Bệnh viện ngày 17/9/2024 N đề nghị mẹ ruột là bà Nguyễn Thị T trình báo cơ quan Công an để N đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Căn cứ Bản kết luận giám định tử thi số 4474 ngày 04/10/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) kết luận:

1. Các kết quả chính:

Vết thương vùng cổ phức tạp: Vết thương đứt da, cơ, xương đốt sống cổ, động mạch đốt sống, màng cứng, màng nhện và dây thần kinh, tụ máu quanh tủy sống.

Vết thương gãy xương hở: Nhiều vết thương đứt da, cơ, xương, khớp trên cơ thể.

Vết thương phần mềm: Nhiều vết thương đứt da, cơ trên cơ thể.

2. Nguyên nhân chết của Nguyễn Văn S: Đa chấn thương.

* Căn cứ Kết luận giám định số: 4907 ngày 15/11/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), kết luận: Trên phần lưỡi dao bằng kim loại màu đen màu đen dài 43cm, dạng cong, mũi nhọn có một cạnh sắc gửi đi giám định có bám dính máu người. Phân tích được kiểu gen (ADN) lần của nhiều người từ mẫu máu người này, trong đó có kiểu gen trùng với kiểu gen của nạn nhân Nguyễn Văn S.

Về vật chứng thu giữ:

- 01 con dao kim loại dài 43; 01 USB màu trắng nhãn hiệu KI0XIA 32GB.
- 01 bóp tiền màu đen, bên trong bóp có 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phạm Thái N;
- 01 xe mô tô, kiểu dáng xe Wave, biển số 51X7-2215;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 điện thoại di động hiệu “ACE”;
- 01 nón bảo hiểm hiệu “Non Son”; 01 đôi dép màu đen, quai ngang màu xám có in chữ “G”; 01 đôi dép đế màu đỏ, quai vải màu đen, dạng dép kẹp, trên quai có thêu chữ “Nike”.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo P bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần số tiền là 100.000.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 183/CT-VKSBD-P2 ngày 30/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Phạm Thái N phạm tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày luận tội đối với bị cáo, trong đó có nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thái N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã thể hiện, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do bị hại nợ tiền bị cáo, bị cáo đòi nhưng bị hại không trả nên bị cáo chuẩn bị hung khí chém bị hại tử vong, hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ, đặc biệt nghiêm trọng, xem thường tính mạng của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Trên cơ sở đánh giá toàn bộ chứng cứ của vụ án, đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản Cáo trạng số 183/CT-VKSBD-P2 ngày 30/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) truy

tố bị cáo Phạm Thái N về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đầu thú, quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện nội dung vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, thái độ khai báo của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo mức hình phạt: tù Chung thân.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ: 01 con dao kim loại dài 43; 01 dao bấm dài 14cm; 01 nón bảo hiểm hiệu “Non Son”; 01 đôi dép màu đen, quai ngang màu xám có in chữ “G”; 01 đôi dép đế màu đỏ, quai vải màu đen, dạng dép kẹp, trên quai có thêu chữ “Nike”; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô, kiểu dáng xe Wave, biển số 51X7-2215 bị cáo làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Samsung;; 01 bóp tiền màu đen, bên trong bóp có 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phạm Thái N không liên quan đến hành vi phạm tội; trả cho đại diện hợp pháp của bị hại 01 điện thoại di động hiệu “ACE”

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 100.000.000 đồng.

* Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Lê Văn C trình bày bài bào chữa, trong đó có nội dung: đồng ý quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội “Giết người” với tình tiết có tính chất còn đồ theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, người bào chữa cũng đưa ra một số luận điểm để Hội đồng xét xử xem xét như: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đầu thú, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do bị hại mượn tiền bị cáo trong thời gian dài không trả cho bị cáo mặc dù bị cáo đã đòi rất nhiều lần, số tiền này bị cáo cũng đi vay để đưa cho bị hại vay và bị cáo cũng bị chủ nợ đòi gay gắt; khi đến phòng trọ của bị hại, bị cáo không có ý định giết bị hại ngay từ đầu, bằng chứng là bị cáo bỏ dao vào trong cốp xe và khi vào trong phòng trọ của bị hại bị cáo không mang dao theo từ đầu, sau khi bị bị hại xúc phạm thì bị cáo mới lấy dao thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, phía bị hại cũng có một phần lỗi; bị cáo có trình độ học vấn thấp, tuổi đời còn trẻ, bị cáo nhận thức được khi thực hiện hành vi gây ra cái chết cho bị hại nên bị cáo cũng dùng dao để tự tử. Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt Chung thân

đối với bị cáo là nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

* Bị cáo đồng ý quan điểm bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

* *Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn T1 trình bày:* đề nghị bị cáo bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 100.000.000 đồng và xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo rất hối hận về hành vi mà bị cáo đã thực hiện và kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, những người làm chứng vắng mặt đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ và được công bố tại phiên tòa, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị cáo, người tham gia tố tụng khác và đề nghị của Viện kiểm sát, tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về nội dung: tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, các kết luận giám định, lời khai của bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do bị hại Nguyễn Văn S thiếu nợ bị cáo Phạm Thái N số tiền 4.500.000 đồng nên vào khoảng 05 giờ 30 phút, ngày 16/9/2024, bị cáo Phạm Thái N chuẩn bị dao mào dài 43cm đi đến phòng số 11, nhà trọ Trại gà C, địa chỉ khu phố F, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Phạm Thái N đã có hành vi dùng dao chém nhiều nhát vào vùng đầu, cổ của ông Nguyễn Văn S, hậu quả ông S tử vong. Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố

Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Phạm Thái N với tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo nhận thức được hành vi sử dụng dao chém nhiều nhất vào vùng đầu, cổ của bị hại là nguy hiểm đến tính mạng bị hại nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả xảy ra. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: không.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối: sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận. Đối với đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại yêu cầu bị cáo Phạm Thái N bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần với số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tịch thu tiêu hủy các công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội hiện không còn giá trị sử dụng gồm:

+ 01 (một) con dao kim loại dài 43; đựng trong túi giấy màu nâu niêm phong ghi số 4907SV/2024, có chữ ký của ĐTV Nguyễn Ngọc T2, KSV Lê Ngọc Á và dán băng keo niêm phong màu đỏ;

+ 01 (một) nón bảo hiểm hiệu “Non Son”;

+ 01 (một) đôi dép màu đen, quai ngang màu xám có in chữ “G”;

+ 01 (một) đôi dép đế màu đỏ, quai vải màu đen, dạng dép kẹp, trên quai có chữ “Nike”.

- Trả lại cho bị cáo:

+ 01 (một) bóp tiền màu đen, bên trong bóp có 01 căn cước công dân và 01

giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phạm Thái N;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung bị cong vênh, phù pin, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội:

+ 01 (một) xe hai bánh (kiểu dáng xe Wave), mang biển kiểm soát 51X7-2215. Có số khung trước giám định: VTLBCH023TL-015786, số máy trước giám định: VTLZS152FMH00015786; sau giám định: số khung, số máy không đổi; xe không búng, không бага, không kính chiếu hậu, không hộp xích, bung đèn trước.

- Trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu “ACE”, bị vỡ nát màn hình, xước mặt sau; không kiểm tra tình trạng hoạt động.

[11] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo còn có trách nhiệm bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần cho người đại diện hợp pháp của bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Phạm Thái N tù Chung thân về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2024.

2. Căn cứ các Điều 584, 585, 589, 590 và Điều 593 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Thái N có trách nhiệm bồi thường cho người đại diện bị hại là bà Trần Thị K1, Trần Thị D số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tịch thu tiêu hủy các công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội hiện không còn giá trị sử dụng gồm:

+ 01 (một) con dao kim loại dài 43; đựng trong túi giấy màu nâu niêm phong ghi số 4907SV/2024, có chữ ký của ĐTV Nguyễn Ngọc T2, KSV Lê Ngọc Á và dán băng keo niêm phong màu đỏ;

+ 01 (một) nón bảo hiểm hiệu “Non Son”;

+ 01 (một) đôi dép màu đen, quai ngang màu xám có in chữ “G”;

+ 01 (một) đôi dép đế màu đỏ, quai vải màu đen, dạng dép kẹp, trên quai có chữ “Nike”.

- Trả lại cho bị cáo:

+ 01 (một) bóp tiền màu đen, bên trong bóp có 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phạm Thái N;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung bị cong vênh, phù pin, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội:

+ 01 (một) xe hai bánh (kiểu dáng xe Wave), mang biển kiểm soát 51X7-2215. Có số khung trước giám định: VTLBCH023TL-015786, số máy trước giám định: VTLZS152FMH00015786; sau giám định: số khung, số máy không đổi; xe không búng, không бага, không kính chiếu hậu, không hộp xích, bung đèn trước.

- Trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại bà Trần Thị K1 và bà Trần Thị D:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu “ACE”, bị vỡ nát màn hình, xước mặt sau; không kiểm tra tình trạng hoạt động.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh)).

3. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Thái N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Thái N phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (vụ GĐKT 1);
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM (cơ sở 2);
- Trại tạm giam số 2 - Công an TP.HCM;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.HCM;
- Phòng PV06 - Công an TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT. 20. (54).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức